

sắp xếp câu (thêm dấu câu)



Cách diễn tả số ước lượng 几 và 多



(1) 几 今天 号 ?
Jǐ jīntiān hào ?

(2) 几 家里 个 他 有 人 ?
Jǐ jiālǐ gè tā yǒu rén ?

(3) 多少 你们 学生 班里 有 ?
Duōshǎo nǐmen xuéshēng bān lǐ yǒu ?

(4) 多少 电话 是 号码 ?
Duōshǎo diànhuà shì hàomǎ ?

